

BÀI 18: MỸ TỪ PHÁP (P 1)

Trong văn chương, người ta thường dùng những tiếng, những câu bóng bẩy, văn hoa để làm cho lời văn thêm đẹp. Đó là cách dùng Mỹ từ pháp. Các nhà ngôn ngữ học gọi là Biện pháp tu từ. Giới văn nhân thi sĩ gọi là cách dùng từ hoa; từ hoa là từ đẹp, từ hay. Nếu biết dùng từ hoa đúng chỗ, thì nghệ thuật hành văn của ta sẽ ngày càng khởi sắc.

Mỹ từ pháp hiện đại chia làm hai dạng: dạng liên tưởng và dạng quan hệ tổ hợp.

I. DẠNG LIÊN TƯỞNG

Mỹ từ pháp dạng liên tưởng có đặc điểm chung là dựa vào từ ngữ có hiện tượng chuyển nghĩa tạm thời. Liên tưởng ở đây là liên tưởng những nét tương đồng với nhau. Chúng ta có Mỹ từ pháp *so sánh, ẩn dụ, phúng dụ, hoán dụ, tượng trưng, thậm xưng, nhân hoá và vật hoá*. Trong bài này, chúng ta chỉ tìm hiểu 4 Mỹ từ pháp: *so sánh, ẩn dụ, phúng dụ và hoán dụ*.

1. So sánh

Hình ảnh so sánh không đòi chính xác về bản chất khoa học, mà là sự đối chiếu đặc điểm của hình tượng sự vật này với hình tượng sự vật khác. Mỹ từ pháp So sánh thường sử dụng các từ: **như, là, thua, kém, hơn...**

Thí dụ:

*“Đôi ta làm bạn thông dong
Như đôi đũa ngọc nằm trong mâm vàng”.*
(Ca dao)

*“Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”.*
(Ca dao)

“Trong như tiếng hạc bay qua,

*Đục **như** nước suối mới sa nửa vời.
Tiếng khoan **như** gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm sập **như** trời đổ mưa”.*
(Đoạn trường Tân Thanh)

*Đôi với Têrêsa bé nhỏ thì
“Tình yêu là sức sống của mọi công việc”.*

*“Quê hương là chùm khế ngọt
Cho con trèo hái mỗi ngày”.*

Khi so sánh, ta thường dùng các từ: *như, là, thua, kém, hơn...* Đôi khi không cần dùng các từ trên cũng diễn tả sự so sánh.

Thí dụ:

*“Qua cầu ngả nón trông cầu
Cầu bao nhiêu nhịp, em sầu bấy nhiêu”.*

*“Gái thương chồng, đang đông buổi chợ
Trai thương vợ, nắng quai chiều hôm”.*

*“Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang
Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu”.*
(Ca dao)

Giá trị của So sánh: Nhờ các hình ảnh được đem ra so sánh mà các ý tưởng trừu tượng được cụ thể hóa. So sánh bộc lộ tình cảm của người nói, người viết.

2. Ẩn dụ

Ẩn dụ là lấy *tên gọi của sự vật này để biểu thị một đối tượng khác*. Nó ngầm hiểu có một nét tương đồng nào đó giữa hai đối tượng.

a. Ẩn dụ vật thể:

Nghĩa là xác định trên nét tương đồng giữa các vật thể.

*“Vân xem trang trọng khác vời,
Khuôn **trăng** đầy đặn nét ngài nở nang”.*
(Nguyễn Du)

b. Ẩn dụ tính chất:

Nghĩa là xác định trên nét tương đồng giữa các vật thể.

*“Tay bưng đĩa muối chấm gừng
Gừng cay muối **mặn** xin đừng bỏ nhau”.*
(Ca dao)

c. Ẩn dụ hoạt động:

Nghĩa là xác định trên sự tương đồng về hoạt động.

*“Lòng em đã quyết thi hành
Đã **cấy** thì **gặt** với anh một mùa”.*
(Ca dao)

d. Ẩn dụ bổ sung:

Nghĩa là xác định trên nét tương đồng về cảm giác.

*“Ngoài thêm rơi cái lá đa
Tiếng rơi rất mỏng như là rơi **nghiêng**”.*
(Trần Đăng Khoa)

Giá trị của Ẩn dụ: Quy luật của ẩn dụ là “*lấy xa nói gần, lấy vòng nói thẳng, lấy kín nói hở, lấy ít nói nhiều*” (Lê Anh Hiền). Các ẩn dụ đẹp thường làm bùng nổ nhiều liên tưởng ngữ nghĩa kỳ thú cho người đọc, người nghe. *Sức mạnh của ẩn dụ là biểu cảm.*

Thí dụ:

*“Bướm vàng đậu trái mù u
Lấy chồng càng sớm lời ru thêm buồn”.*

*“Hãy là **hoa**, xin hãy khoan là **trái**”*

Hoa nồng hương còn trái lắm khi chua”.
(Thu Hồng)

3. Phúng dụ

Phúng dụ nhằm nêu ra *một vấn đề đạo đức, có tính khuyên răn*. Phúng dụ gồm hai nghĩa: *một nghĩa trực tiếp* xuất hiện trong những hình ảnh miêu tả và *một nghĩa gián tiếp* rút ra từ hình ảnh được miêu tả. Đó là một triết lý hoặc một bài học luân lý nào đó.

Thí dụ:

*“Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng
Nhị vàng bông trắng lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”.*
(Ca dao)

*“Con cò chết rũ trên cây
Cò con mở sách xem ngày làm ma
Cà cuống uống rượu la đà
Chim ri tíu rít chạy ra chia phần”.*
(Ca dao)

Giá trị của Phúng dụ: Chức năng của phúng dụ là *khắc sâu nhận thức*. Các triết lý nhân sinh sâu sắc thắp thoáng sau các hình ảnh, các ẩn dụ, tạo nên phúng dụ, nhờ vậy chúng *thuyết phục người đọc, người nghe*. Phúng dụ là *biện pháp hữu hiệu của thể loại ngụ ngôn*.

4. Hoán dụ

Hoán dụ là biện pháp *chuyển đổi* tên gọi của đối tượng này sang đối tượng khác nhằm nhấn mạnh đặc điểm của đối tượng định biểu hiện.

a. Hoán dụ được xác định từ quan hệ giữa bộ phận và toàn thể:

“Đầu xanh có tội tình gì

Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi”.
(Nguyễn Du)

b. Hoán dụ được xác định từ quan hệ giữa đặc điểm của đối tượng và đối tượng:

*“Đói nghèo gặp với đói nghèo
Đâu đâu cũng có tiếng rên nùng”.*
(Ca dao)

c. Hoán dụ xác định vật chứa và vật bị chứa:

*Sài gòn thức đêm đêm theo Hà Nội
Nghe thủ đô đập giữa trái tim mình.*
(Giang Nam)

d. Hoán dụ xác định quan hệ giữa số xác định và số phiếm định:

“Một lời nói dối, sám hối bảy ngày”.
(Tục ngữ)

e. Hoán dụ được xác định quan hệ giữa tác giả và tác phẩm:

“Suốt mười năm, tôi biếng đọc Nguyễn Du”.
(Chế Lan Viên)

g. Hoán dụ được xác định trên quan hệ dấu hiệu hành động và hành động:

*“Mồ hôi mà đổ xuống đồng
Lúa mọc trùng trùng sáng cả đôi nưon”.*
(Ca dao)

h. Hoán dụ được xác định trên quan hệ giữa cái cụ thể và cái trừu tượng:

*“Hôm qua em đi tỉnh về
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều”.*
(Nguyễn Bính)

Giá trị của Hoán dụ: Hoán dụ *khắc sâu nhận thức*, gợi ra những nhận thức *sâu sắc về sự vật* cho người đọc, người nghe.

Lưu ý:

Ẩn dụ và hoán dụ cùng chung cấu trúc *nói A mà chỉ B*, nhưng có sự khác nhau là:

- Ẩn dụ: *A và B* có quan hệ tương đồng với nhau.
- Hoán dụ: *A và B* có quan hệ gần gũi hay đi liền với nhau.

THỰC HÀNH

Trong phần thực hành hôm nay, tôi sẽ đưa ra các câu được viết dưới dạng Mỹ từ pháp. Phần các bạn, hãy xác định đó là Mỹ từ pháp gì.

1

“Nhu nai rừng mong mới
Tìm về suối nước trong,
Hồn con cũng trông mong
Được gần Ngài, lạ Chúa”.

(Tv 42,2)

2

Chỉ có thuyền mới hiểu,
Biển mênh mông dường nào.
Chỉ có biển mới hiểu,
Thuyền đi đâu về đâu.

(Xuân Quỳnh)

3

“Con sâu thành *bướm* thì xinh,
Con thành *con Chúa* thì tình nở hoa”.

(Trần Tĩnh Nguyên)

So sánh

4

Bàn tay ta làm nên tất cả
Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.

(Hoàng Trung Thông)

5

“*Như* trời xanh trời cao hơn mặt đất,
Tình Chúa thương kẻ thờ Người cũng trời cao.
Như đông đoài cách xa nhau ngàn dặm,
Tội ta đã phạm, Chúa cũng ném thật xa ta”.
(Tv 103, 11-12)

6

“Bây giờ *Mận* mới hỏi *Đào*:
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?
Mận hỏi thì *Đào* xin thưa:
Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào”.

7

“Nhớ ai bồi hồi bồi hồi
Như đứng đồng lửa *như* ngồi đồng than”.
(Ca dao)

8

“Chồng ta *áo rách* ta thương
Chồng người *áo gấm* xông hương mặc người”.
(Ca dao)

9

“Hồn con *như* một đóa hồng
Xin dâng cho mẹ tỏ lòng kính yêu.
Mẹ ơi! Thương mẹ rất nhiều.
Nhớ mẹ trong mỗi kinh chiều – chuỗi mai
Dù đường đời lắm đổi thay.
Nhưng con vẫn giữ mẹ hoài trong tim”.
(Ngọc Danh)

10

**“Thuyền về có nhớ bến chăng?
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền”.**